

Số: 02./TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, với nội dung sau:

1. **Thời gian:** Vào lúc 7 giờ 30 phút, thứ 3 ngày 26 tháng 04 năm 2022.
2. **Địa điểm:** Tầng 7 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
3. **Nội dung Đại hội:** Theo chương trình đại hội đính kèm
4. **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/3/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận và thông báo.
5. **Đăng ký tham dự Đại hội:** Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu giấy ủy quyền đăng tải trên Website: <http://v-power.vn>) và gửi về văn phòng giao dịch Công ty: Tầng 4 tòa nhà Đoàn Gia, số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo đường bưu điện/ trực tiếp tới Công ty trước 16h ngày 20/4/2022.
6. Tài liệu đại hội được công bố chi tiết trên Website công ty: <http://v-power.vn>
7. **Ban tổ chức đại hội:** Tầng 4 tòa nhà Đoàn Gia, số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 562 6614

- Email: honghanh.vsc@gmail.com

Lưu ý: - Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự cần mang theo thư mời họp, giấy ủy quyền, CMND/CCCD/Hộ Chiếu.

- Quý cổ đông tự thanh toán chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Anh

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

1. Thời gian: Từ 7h30 - 11h00 ngày 26/4/2022

2. Địa điểm: Tầng 7 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
1	Đón tiếp đại biểu, cổ đông. Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông.	7h30 - 7h50
2	Khai mạc; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự	7h50 - 8h00
3	Đại hội nghe báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	8h00- 8h10
4	Thông qua quy chế, làm việc của Đại hội, thể lệ biểu quyết	8h10- 8h30
5	Đại hội xem xét một số nội dung sau:	8h30 - 9h00
5.1	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;	
5.2	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;	
5.3	- Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022;	
5.4	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và tờ trình thông qua;	
5.5	- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;	
5.6	- Tờ trình về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022;	
5.7	Tờ trình danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2026 (trình bày tại đại hội).	
6	Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết về các nội dung đã nêu trên.	9h00 -10h00
7	Đại hội tiến hành bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2026.	10h00-10h30
	Giải lao	10h30 - 10h45
8	Công bố kết quả bầu cử HĐQT và BKS	10h45-10h50
9	Hoàn thiện và thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10h50-11h00
10	Bế mạc Đại hội.	

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Bên ủy quyền (Bên A):

Tên cá nhân/ tổ chức:.....

Mã số cổ đông:.....

CMND/ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Bên nhận ủy quyền (Bên B): (Đánh dấu X vào ô lựa chọn để ủy quyền và điền các thông tin)

☐ Ông Nguyễn Văn Anh

CMND số: 040077000087, cấp ngày: 13/03/2019, tại: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLOG về dân cư.

Địa chỉ: P707 CC An Lạc, TDP số 13, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

☐ Tên cá nhân/tổ chức:.....

Mã số cổ đông (nếu có):.....

CMND/ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Nội dung ủy quyền: Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 năm 2022;
- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thời gian ủy quyền: Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 năm 2022.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ VPC.....

Họ và tên cổ đông:.....
Số lượng cổ phần sở hữu.....cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền.....cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại biểu:.....cổ phần

(Quý cổ đông đánh dấu vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua việc ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hướng dẫn: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án: Tán thành, Không Tán Thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.			

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số : 03/BCQT-VPC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Về cơ bản, các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 tương tự năm 2020, chủ yếu tập trung xây dựng các kịch bản ứng phó với dịch bệnh Covid 19 duy trì hoạt động, giảm thiểu thiệt hại cho Công ty.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã họp năm phiên và thống nhất các vấn đề chính sau:

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Thống nhất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tại dự án “Trường trung cấp nghề kinh tế - kỹ thuật – công nghiệp Hòa Bình”, phê duyệt phương án đầu tư thêm phương tiện, thiết bị phục vụ việc tăng lưu lượng đào tạo tại dự án, phê duyệt mức đầu tư mở rộng;
- Nghiên cứu xem xét hiệu quả dự án “xưởng sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ”, bám sát diễn biến thị trường gỗ nén thế giới để quyết định phương án tiếp tục duy trì sản xuất, đảm bảo hiệu quả dự án.
- Hỗ trợ BGĐ đẩy nhanh dự án “viên gỗ nén” tại Lạc Sơn – Hòa Bình, thị trường mục tiêu Nhật Bản.
- Hợp HĐQT để chỉ đạo BGĐ trong việc ứng phó với tình trạng dịch bệnh Covid kéo dài.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành các lĩnh vực công tác về sản xuất kinh doanh, như sau:

- Chỉ đạo giảm thiểu chi phí phát sinh tại văn phòng công ty và văn phòng dự án “Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe Lương Sơn”, chỉ đạo tăng cường công tác tuyển sinh tại dự án, đảm bảo duy trì hoạt động tại dự án.
- Chỉ đạo công tác tái cơ cấu nguồn vốn vay của Công ty tại Ngân hàng phát triển Việt Nam – chi nhánh Hòa Bình để đảm bảo sự hoạt động liên tục của dự án, tránh ảnh hưởng đến hình ảnh của công ty tại địa phương đầu tư. Ngân hàng phát triển đã đồng ý gia hạn nợ cho Công ty, đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai;
- Hoàn thành công tác tăng lưu lượng dự án “trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe Lương Sơn”, nâng cao hiệu quả dự án; Hoàn thành đầu tư mới một số hạng mục theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.
- Chỉ đạo bám sát thị trường “viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ”, tập trung làm việc với khách hàng Nhật Bản, hướng tới ký hợp đồng mua bán dài hạn với các đối tác Nhật Bản;



- Tập trung thoái vốn 1 số dự án không hiệu quả, dồn dòng tiền để bổ sung phương tiện, tăng lưu lượng Dự án đào tạo- sát hạch lái xe và Dự án “viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ” tại Lạc Sơn – Hòa Bình.

- Chỉ đạo Ban giám đốc Công ty thực hiện công tác báo cáo đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định của Công ty cổ phần đại chúng niêm yết.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Qua quá trình hoạt động năm 2021, Hội đồng quản trị có những nhận xét, đánh giá như sau:

- Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2021 để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết;

- Tập thể Hội đồng quản trị đoàn kết, có phương pháp làm việc dân chủ, luôn bàn bạc để đi đến thống nhất cao các chủ trương, nghị quyết; Đồng thời phối hợp tốt với Ban Giám đốc giải quyết công việc trôi chảy, nhanh chóng và đúng quy định;

- Hội đồng quản trị tiếp tục thống nhất không nhận thù lao trong năm 2021 để giảm thiểu gánh nặng tài chính cho Công ty;

- Hội đồng quản trị tích cực tìm kiếm và giới thiệu các cơ hội đầu tư mới, các đối tác mới để Ban Giám đốc nghiên cứu thực hiện.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022:

- Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Ban giám đốc công ty đề xuất, tập trung phối hợp với các đối tác tiến hành đầu tư dự án đầu tư nhà máy viên gỗ nén tại Lạc Sơn - Hòa Bình, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của công ty;

- Hội đồng quản trị sẽ thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022; Phê duyệt phương án vận hành lại dự án Viên gỗ nén để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các tờ trình của Ban giám đốc để giải quyết kịp thời các đề xuất và nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục tìm kiếm, giới thiệu các cơ hội đầu tư tốt để Ban giám đốc nghiên cứu triển khai. Với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị thống nhất sẽ tiếp tục không nhận thù lao trong năm 2022.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị, kính trình cổ đông xem xét./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Anh

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và đạt được kết quả như sau:

1. Công tác đào tạo, sát hạch lái xe:

Năm 2021 hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe tuy được chú trọng đầu tư để nâng cao chất lượng nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn do sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe đã phải dừng hoạt động theo quy định trong 04 tháng khiến doanh thu không đạt như kế hoạch.

Trong năm 2021, Công ty đã thanh lý các xe cũ đồng thời đầu tư nâng cấp, bổ sung phương tiện, đào tạo và tuyển dụng thêm đội ngũ giáo viên dạy thực hành lái xe nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo, sát hạch và tăng quy mô phù hợp với tình hình mới.

Kết quả đào tạo, sát hạch lái xe năm 2021 thể hiện qua các số liệu sau:

- Kết quả công tác tuyển sinh, mở lớp đào tạo năm 2021:

STT	Hạng đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hạng A1	Học viên	1.834	
2	B1-STĐ	Học viên	940	
2	Hạng B1, B2	Học viên	2.400	
3	Hạng C	Học viên	1.680	

- Kết quả công tác sát hạch năm 2021:

TT	Nội dung	Số lượng các kỳ sát hạch	Tổng số thí sinh đăng ký sát hạch	Tổng số thí sinh đến dự sát hạch	Số lượng thí sinh đạt sát hạch
1	Mô tô hạng A1	11	1.378	1.204	1.003
2	Ô tô hạng B và C	28	6.939	6.000	3.593

2. Công tác sản xuất viên gổ nén:

Năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cùng với việc thị trường viên gỗ nén có những diễn biến bất lợi do vậy Ban lãnh đạo Công ty vẫn quyết định tạm dừng việc sản xuất. Năm 2021 chỉ tập trung cho việc duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng và nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác.

3. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2021:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021			
		Số kế hoạch	Số thực hiện	Thực hiện so với kế hoạch	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.092.728.900	38.301.339.999	-8.791.388.901	81,33
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.732.728.900	38.301.339.999	-5.431.388.901	
	- Doanh thu bán thành phẩm	3.360.000.000	0	-3.360.000.000	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.092.728.900	38.301.339.999	-8.791.388.901	81,33
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.732.728.900	38.301.339.999	-5.431.388.901	
	- Doanh thu bán thành phẩm	3.360.000.000	0	-3.360.000.000	
4	Giá vốn hàng bán	38.056.810.300	30.557.148.120	-7.499.662.180	80,29
	- Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.296.810.300	30.557.148.120	-3.739.662.180	
	- Giá vốn bán thành phẩm	3.760.000.000	0	-3.760.000.000	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.035.918.600	7.744.191.879	-1.291.726.721	85,70
	- Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	9.435.918.600	7.744.191.879	-1.691.726.721	
	- Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	-400.000.000	0	400.000.000	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	0	17.738.085	17.738.085	
7	Chi phí tài chính	4.278.000.000	5.084.676.330	806.676.330	118,86
	- Lãi vay	4.278.000.000	4.263.302.015	-14.697.985	
	- Chi phí tài chính khác	0	821.374.315	821.374.315	
8	Chi phí bán hàng	0	0	0	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.014.000.000	6.384.648.562	-629.351.438	91,03
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.256.081.400	-3.707.394.928	-1.451.313.528	164,33
11	Thu nhập khác	0	987.273.922	987.273.922	
12	Chi phí khác	0	89.504.726	89.504.726	
13	Lợi nhuận khác	0	897.769.196	897.769.196	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-2.256.081.400	-2.809.625.732	-553.544.332	124,54

Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

So với kế hoạch đề ra, doanh thu chỉ đạt được 81,33% khiến kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch 553.544.332 đồng do các nguyên nhân chính sau:

- Nguyên nhân chính khiến kết quả sản xuất kinh doanh chưa đạt được như kế hoạch đặt ra chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến tất cả các hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng. Trong đó, dịch vụ đào tạo, sát hạch lái xe bị dừng hoạt động suốt 04 tháng (Bao gồm: tháng 02/2021, tháng 5/2021, tháng 9/2021, tháng 10/2021) Mảng sản xuất viên gỗ nén thì dừng hoạt động cả năm 2021 do hoạt động xuất khẩu đình trệ, giá đầu ra quá thấp. Việc phải dừng hoạt động cả hai mảng chủ đạo trong khoảng thời gian dài đã khiến nhiều tháng liên tiếp Công ty không có doanh thu trong khi nhiều khoản chi phí không thể cắt, giảm như lãi vay, khấu hao...

- Trong năm phát sinh khoản chi phí tài chính 821.374.315 đồng so với kế hoạch từ việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

- Năm 2021 Ban Giám đốc Công ty cũng đã rất cố gắng trong việc tiết giảm chi phí khiến chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm giảm khoảng 9% so với kế hoạch tương ứng 629.351.438 đồng.

II. Cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2021 toàn Công ty là 185 người, trong đó:

+ Văn phòng Công ty có 04 người.

+ Trường nghề có 181 người.

- Thu nhập bình quân của người lao động: 6.600.000 đồng

- Chế độ BHXH: Người lao động toàn Công ty được tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

III. Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Bảng tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.760.986.400
1.1	Doanh thu bán thành phẩm	5.265.000.000
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.495.986.400
2	Giá vốn hàng bán	46.532.710.640

2.1	Giá vốn thành phẩm	5.210.500.000
2.1	Giá vốn dịch vụ	41.322.210.640
3	Lợi nhuận gộp	10.228.275.760
3.1	Lợi nhuận bán thành phẩm	54.500.000
3.2	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	10.130.050.000
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0
5	Chi phí tài chính	5.500.641.667
5.1	Lãi vay	4.278.000.000
5.2	Chi phí tài chính khác	1.222.641.667
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.926.000.000
7	Thu nhập khác	0
8	Chi phí khác	0
9	Lợi nhuận khác (9 = 7 - 8)	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (10 = 3+4-5-6+9)	-198.365.907

2. Các giải pháp thực hiện:

Để thực hiện hoàn thành được kế hoạch nêu trên, Ban giám đốc Công ty sẽ tiến hành bộ các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban, của từng cán bộ công nhân viên.
- Tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Cơ cấu, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; Ban hành các định mức chi phí trong các hoạt động sát với thực tế.
- Đối với mảng đào tạo và sát hạch lái xe:
 - + Nâng cao chất lượng dịch vụ.
 - + Tăng cường công tác tuyển sinh thông qua việc mở rộng các đầu mối, tăng cường việc liên kết đào tạo.
 - + Tuyển dụng và tập huấn bổ sung thêm đội ngũ giáo viên dạy thực hành lái xe để có thể mở rộng quy mô đào tạo.
- Đối với xưởng sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm từ gỗ:
 - + Tiếp tục chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn 5S.
 - + Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đầu ra, nghiên cứu để sản xuất và hướng tới xuất khẩu sản phẩm viên gỗ nén sang thị trường Nhật Bản.

+ Mở rộng và tăng cường tìm kiếm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tại các khu vực lân cận.

- Tiếp tục thực hiện việc cơ cấu lại danh mục đầu tư, thanh khoản các dự án đầu tư không hiệu quả.

- Nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới có hiệu quả để triển khai thực hiện. Đặc biệt là chú trọng việc nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư trên phần diện tích đất còn lại của dự án Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

- Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam: Đàm phán phương án cơ cấu lại khoản vay để giảm bớt khó khăn về tài chính.

Ban Giám đốc báo cáo Đại hội về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Kính đề nghị Đại hội xem xét, có ý kiến chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc công ty trong quá trình thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Lại Thế Vĩnh



Số: 01/BC-BKS

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022.

**PHẦN I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021**

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Công tác đã thực hiện năm 2021

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đối với HĐQT và Ban Giám đốc;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2021 theo đúng quy định của Pháp luật và Công ty.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong năm;
- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp Luật.

Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong kế hoạch hoạt động trong năm 2021, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Các thành viên Ban kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị công ty trong năm 2021 phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định của Pháp luật có liên quan. HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động và tình



hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Giám đốc. HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2021, Ban Giám đốc công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết ĐHCĐ/HĐQT Công ty, các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Giám đốc đã đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng tránh thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội; Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty. Thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; trong năm Ban Giám đốc đã quyết định ban hành quy chế tiền lương và chế độ cho người lao động.

IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2021 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán và Định Giá ASCO là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty đại chúng.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

Sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của công ty được thực hiện chặt chẽ theo sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc. Các kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát đều được HĐQT, Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Công ty thực hiện việc công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định của Pháp luật.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

60194
CÔNG TY
PHẦN
Ả PHẬT TR
S LƯỢNG
T NAM
Y-T.P.H

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nhiệm vụ ĐHCĐ thường niên năm 2022 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Sáng



Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty ban hành dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Sau đây gọi tắt là **Quy chế**) với các nội dung sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (Đại hội) của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.
- Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/3/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.
- Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
 - b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
 - c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

- Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân/CCCD hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

0160
CÔNG
CỔ P
TƯ V
ANG
/IET
Ủ GI

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

- Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

- Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

- Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội các thành viên HĐQT Công ty.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

- Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

- Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

- Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

- Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận ngày 31/03/2022.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

-. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

- Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông.

- Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 9. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

- Cổ đông biểu quyết (Theo thứ tự: Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại hội cổ đông đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ thẻ biểu quyết lên cao.

- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ thẻ biểu quyết.

- Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần Chủ tọa hỏi ý kiến về nội dung đó (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) được xem là đồng ý với nội dung đó.

- Theo từng lần biểu quyết, thành viên ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông.

- Cổ đông/ đại diện cổ đông sẽ biểu quyết trực tiếp vào từng nội dung biểu quyết được gửi kèm theo Thẻ phiếu quyết. Sau khi hoàn thành việc biểu quyết tất cả các nội dung, cổ đông/ đại diện cổ đông tiến hành nộp Phiếu biểu quyết có nội dung mà cổ đông đã biểu quyết cho thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết.

Điều 10. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký với Chủ tịch đoàn (Giơ thẻ biểu quyết) và được Chủ tịch đoàn đồng ý mới được phát biểu. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Chủ tịch đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Cổ đông.

Điều 11. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký đại hội ghi vào Biên bản họp. Nghị quyết đại hội phải đọc và được thông qua trước khi bế mạc đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HNX;
- UBCKNN;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Anh



Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH, ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam,

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Công ty) tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022-2026 theo các quy định sau:

1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử:

1.1. Nguyên tắc:

- Bầu cử đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Bầu cử đảm bảo tuân thủ Điều lệ và phù hợp với Quy chế này;
- Bầu cử đảm bảo công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Bầu cử đảm bảo tính ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận và thông báo) có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Số lượng: 05 thành viên hoặc số lượng khác nếu ĐHĐCĐ thường niên có quyết định khác tại cuộc họp nhưng đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người theo Điều lệ Công ty.

2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
- Ưu tiên những thành viên làm việc và gắn bó lâu năm với Công ty, không kiêm nhiệm tại các tổ chức khác không thuộc Công ty và công ty con trực thuộc.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành.

3. Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên hoặc số lượng khác nếu ĐHĐCĐ thường niên có quyết định khác tại cuộc họp nhưng đảm bảo số lượng thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người theo Điều lệ Công ty.

4. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

4.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

4.2. Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

4.3. Tại thời điểm được bầu hoặc bổ nhiệm, không trực tiếp liên quan đến vụ việc đang bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh.

4.4. Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

4.5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

4.6. Thành viên BKS không nhất thiết là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế được công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành.

6. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS

6.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử (đề cử) tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao có công chứng: CMND/CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

6.2. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các đơn đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

6.3. Thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ phải nhận được hồ sơ trước 16h ngày 20/04/2022.

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà Đoàn Gia, số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 562 6614

Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Công ty sau thời hạn quy định trên sẽ không có giá trị.

7. Phương thức bầu cử:

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng 05 ứng viên HĐQT và 03 ứng viên BKS (hoặc số lượng khác nếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ có quyết định khác theo quy định tại khoản 2.1 và 3.1 nêu trên) trên tổng số ứng cử viên HĐQT và BKS được đề cử.

Ví dụ: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn thành viên BKS trong tổng số 7 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 100.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(100.000 \times 3) = 300.000$ phiếu

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

- Dồn hết 300.000 phiếu của mình cho 01 ứng cử viên thành viên BKS.

- Chia đều 300.000 phiếu cho 03 ứng cử viên thành viên BKS (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 100.000 phiếu của cổ đông Nguyễn Văn A).

- Chia 300.000 phiếu của mình cho một số ứng cử viên thành viên BKS bằng cách chia nhỏ 300.000 quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn 300.000 phiếu của mình cho ứng cử viên theo những tỷ lệ quyền biểu quyết khác nhau nhưng tổng số phiếu cho những ứng cử viên đó không vượt quá 300.000 phiếu.

8. Cách thức tiến hành bầu cử

8.1. Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT và một Phiếu bầu cử thành viên BKS ("**Phiếu bầu cử**"), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu có quyền biểu quyết đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT và BKS. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải sử dụng phiếu bầu theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức phát được đóng dấu tròn của Công ty.

8.2. Cách ghi phiếu bầu:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số "0" hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

- Trường hợp cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

8.3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

a. Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi:

- Sử dụng phiếu bầu do Ban Tổ chức phát có đóng dấu tròn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;

- Bầu cho những ứng cử viên HĐQT hoặc BKS có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua;

- Phiếu bầu không bị tẩy xóa, sửa chữa. Nếu phiếu bầu cử có gạch xóa tên do nhầm lẫn thì người bầu phải báo cáo Ban kiểm phiếu xin đổi phiếu bầu lại.

b. Phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu bầu được xem là không hợp lệ nếu rơi vào một trong các

trường hợp sau:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không có đóng dấu tròn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;
- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.
- Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

9. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

9.1. Ban Kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT và BKS.

b. Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:

- Tóm tắt quy định về bầu cử;
- Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
- Kiểm tra việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Tổ chức kiểm phiếu;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
- Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa;

9.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu sẽ lập 01 hòm phiếu. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

10. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Số người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người làm việc và gắn bó lâu năm với Công ty, không kiêm nhiệm tại các tổ chức khác không thuộc Công ty. Trường hợp điều kiện của các ứng cử viên này vẫn như nhau Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Nếu bầu cử không đủ số thành viên HĐQT và BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những người được đề cử/ứng cử còn lại; nếu sau khi bầu lần hai mà vẫn chưa đủ thì việc tiếp tục bầu cử do Đại hội và Chủ tọa quyết định.

11. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Trong trường hợp có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử BKS sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

12. Hiệu lực thi hành

Quy chế có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101601945 ngày 28 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch
Ông: Trần Mạnh Hùng	Thành viên
Ông: Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông: Lại Thế Vĩnh	Thành viên
Ông: Dương Văn Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc, kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lại Thế Vĩnh	Giám đốc
Ông: Dương Văn Sơn	Phó Giám đốc, kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Sáng	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Ông: Phạm Thế Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lại Thế Vĩnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Số: 61/2022/ASCO/BCKT-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các sự kiện tại các thuyết minh dưới đây của Bản thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm:

- Thuyết minh số 20, về việc đến ngày 31/12/2021, công ty có khoản nợ gốc quá hạn số tiền 9.154.800.000 đồng và tổng lãi phải trả là 25.509.284.856 đồng, trong đó lãi quá hạn là 16.685.069.183 đồng, lãi phạt trên lãi chậm trả là 5.565.903.308 đồng, lãi ân hạn chưa thu số tiền là 3.258.312.365 đồng.
- Thuyết minh số 37, năm 2021 Công ty tiếp tục bị lỗ 2.809.625.732 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 76.074.152.843 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 46.331.898.008 VND, tương ứng 102% vốn chủ sở hữu.

Những sự kiện trên cùng vấn đề đã được trình bày ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định Công ty vẫn hoạt động liên tục trong tương lai gần, Công ty đã thương thảo được với các nhà đầu tư, nhà cung cấp gia hạn thanh toán đối với các khoản nợ đến hạn trả và tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29 tháng 3 năm 2021.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa xác định được tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai là các bên liên kết của Công ty.
- Trong năm 2021, Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hòa Bình vay 750.000.000 đồng và nhận lại tiền cho vay 100.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1629-2018-149-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Phan Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2019-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.442.122.557	14.810.035.483
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.351.782.434	3.022.212.094
111	1. Tiền		851.782.434	1.522.212.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	1.500.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.055.154.675	7.792.945.985
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	5.741.754.601	5.913.788.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	223.202.540	192.872.540
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	3.510.700.000	3.060.700.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	10.396.696.836	5.311.449.798
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.817.199.302)	(6.685.864.597)
140	III. Hàng tồn kho	10	585.552.298	2.156.822.439
141	1. Hàng tồn kho		585.552.298	2.156.822.439
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.449.633.150	1.838.054.965
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	444.952.328	601.456.367
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		965.964.846	1.197.857.882
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	38.715.976	38.740.716
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.784.547.076	48.013.918.104
220	I. Tài sản cố định		38.562.874.447	42.437.736.589
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	36.431.333.608	40.071.765.502
222	- Nguyên giá		77.272.988.630	82.090.372.194
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.841.655.022)	(42.018.606.692)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.131.540.839	2.365.971.087
228	- Nguyên giá		4.741.292.842	4.741.292.842
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.609.752.003)	(2.375.321.755)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	13	254.807.200	254.807.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		254.807.200	254.807.200
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	5.500.000.000	5.321.374.315
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.126.131.763	7.126.131.763
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		500.000.000	500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.126.131.763)	(2.304.757.448)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		466.865.429	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	466.865.429	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		61.226.669.633	62.823.953.587

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		71.846.716.991	70.634.375.213
310	I. Nợ ngắn hạn		62.774.020.565	53.527.491.179
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	376.835.848	648.763.849
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	14.207.801.797	11.845.490.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	37.297.750	-
314	4. Phải trả người lao động		475.738.045	624.106.387
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	-	1.462.167.775
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	33.009.264.542	31.746.880.577
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	14.589.799.992	7.122.800.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		77.282.591	77.282.591
330	II. Nợ dài hạn		9.072.696.426	17.106.884.034
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.858.312.365	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	7.214.384.061	17.106.884.034
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(10.620.047.358)	(7.810.421.626)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(10.620.047.358)	(7.810.421.626)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.250.000.000	56.250.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		56.250.000.000	56.250.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.922.401.000	8.922.401.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		204.421.894	204.421.894
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		77.282.591	77.282.591
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(76.074.152.843)	(73.264.527.111)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(73.264.527.111)	(67.789.520.950)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		61.226.669.633	62.823.953.587

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn



Giám đốc

Lại Thế Vĩnh

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	38.301.339.999	28.475.353.546
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.301.339.999	28.475.353.546
11	4. Giá vốn hàng bán	23	30.557.148.120	21.347.659.935
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.744.191.879	7.127.693.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	17.738.085	39.185.608
22	7. Chi phí tài chính	25	5.084.676.330	5.706.838.462
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.263.302.015	4.042.052.246
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.384.648.562	7.001.947.521
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.707.394.928)	(5.541.906.764)
31	11. Thu nhập khác	27	987.273.922	87.282.640
32	12. Chi phí khác	28	89.504.726	20.382.037
40	13. Lợi nhuận khác		897.769.196	66.900.603
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(499)	(973)

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Lại Thế Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước		(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.125.935.092	7.636.737.048
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.874.862.142	4.131.075.376
03	- Các khoản dự phòng		952.709.020	(497.204.966)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(964.938.085)	(39.185.608)
06	- Chi phí lãi vay		4.263.302.015	4.042.052.246
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.316.309.360	2.161.730.887
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.711.625.619)	(166.766.953)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.571.270.141	1.244.145.179
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		464.617.235	3.860.790.397
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(310.361.390)	98.896.437
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.090.077.491)	(91.945.544)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.240.132.236	7.106.850.403
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(195.291.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		947.200.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(750.000.000)	(6.995.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	5.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(7.126.131.763)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.209.759.430
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.738.085	39.185.608
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(485.061.915)	(2.067.477.725)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

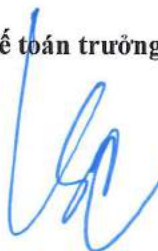
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(2.425.499.981)	(3.021.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.425.499.981)	(3.021.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.670.429.660)	2.018.372.678
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.022.212.094	1.003.839.416
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	1.351.782.434	3.022.212.094

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Lại Thế Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101601945 ngày 28 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 56.250.000.000 đồng; tương đương 5.625.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội (UPCOM) với mã Cổ phiếu là VPC.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nhưng chủ yếu là dịch vụ đào tạo nghề ngắn hạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đào tạo trung cấp;
- Giáo dục sơ cấp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm, Công ty dừng hoạt động kinh doanh sản xuất gỗ nén thành phẩm. Các tài sản phục vụ dự án này có nguyên giá 17.018.203.124 đồng, hao mòn lũy kế 5.785.425.891 đồng, khấu hao trong năm 2021 vào chi phí là 1.046.059.404 đồng.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 196 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 200 nhân viên).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
--	----------------	-----------------------------------

Văn phòng Công ty	Số 5 phố Thọ Thấp, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cho thuê xe ô tô
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	Xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.	Đào tạo dạy nghề

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua, được đầu tư, được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi đầu tư được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua –

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định hữu hình, vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 47 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Các tài sản khác	10 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm máy vi tính	05 - 10 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần, thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu) sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.17. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	133.995.952	187.579.044
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	717.786.482	1.334.633.050
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	1.500.000.000
	1.351.782.434	3.022.212.094

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lương Sơn - Hòa Bình với lãi suất 3,7%/năm, số dư tại 31/12/2021 là 500.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Địa chỉ: Số 5 phố Thọ Tháp, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2021 như sau:

Các Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hòa Bình (1)	Xóm Bến Cuối, Xã Liên Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	5%	5%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (2)	Thôn Phiêng Đổng, Xã Nậm Xáy, Huyện Văn Bàn, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	30%	30%	Đã dừng hoạt động

(1) Khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty Hòa Bình”) để đầu tư dự án nhà máy sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ công suất 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) tấn/năm. Công ty Hòa Bình có vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hòa Bình đăng ký góp 20.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp là 20%. Tại thời điểm kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam chưa góp đủ số vốn góp đã đăng ký, số vốn góp tại 31/12/2021 là 5.000.000.000 VND.

(2) Khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (gọi tắt là “Công ty Lào Cai”) để đầu tư Dự án thủy điện Nậm Xáy Nội 1 tại tỉnh Lào Cai với tổng vốn đầu tư của Dự án là 128,39 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Dự án nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên nên Dự án bị yêu cầu tạm dừng thực hiện. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã trích lập 100% dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai, trích vào chi phí năm 2021 là 821.374.315 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Địa chỉ: Số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty

Địa chỉ

Tỷ lệ lợi ích

Tỷ lệ quyền biểu quyết

Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam

Số 15, phố Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11%

11%
Cung cấp giải pháp và các chương trình đào tạo

Chi tiết giá trị từng khoản đầu tư

31/12/2021

01/01/2021

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	8.126.131.763	-	3.126.131.763	7.126.131.763	-	2.304.757.448
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hòa Bình	5.000.000.000	-	-	4.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	3.126.131.763	-	3.126.131.763	3.126.131.763	-	2.304.757.448
Đầu tư và đơn vị khác	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
	8.626.131.763	-	3.126.131.763	7.626.131.763	-	2.304.757.448

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (1)	5.361.906.381	5.361.906.381	5.361.906.381	5.361.906.381
- Các khoản phải thu khách hàng khác	379.848.220	332.119.375	551.881.863	270.534.670
	5.741.754.601	5.694.025.756	5.913.788.244	5.632.441.051
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.361.906.381	5.361.906.381	5.361.906.381	5.361.906.381

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

(1) Theo hợp đồng mua, bán cổ phần số 02/HĐMBCP/2010-LC ngày 20/02/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam và Công ty Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai. Công ty Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai mua 462.100 cổ phần của Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam nắm giữ với giá 6.469.400.000 VND.

Theo phụ lục hợp đồng mua bán cổ phiếu số: PL 02/2014-LC ngày 10/12/2014 số tiền còn lại đến hết 2014 chưa thanh toán là 5.361.906.381 VND sẽ được gia hạn thanh toán đến hết năm 2020. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai vẫn chưa thanh toán như cam kết.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Miền Bắc	40.800.000	-	40.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thikeco	-	-	80.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Nhật Sơn	69.750.000	69.750.000	69.750.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	112.652.540	-	2.322.540	-
	223.202.540	69.750.000	192.872.540	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần VSC Việt Nam (i)	305.000.000	-	305.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình	3.205.700.000	-	2.755.700.000	-
	3.510.700.000	-	3.060.700.000	-

(i): Khoản cho Công ty Cổ phần VSC Việt Nam vay theo các hợp đồng:

(1) Giấy giấy nhận nợ sau: số 01.2019/GNN/HĐNTTD-VPC ngày 16/01/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 110.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 24 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 110.000.000 đồng.

(2): Giấy nhận nợ số 01.2019/GNN/HĐNTTD-VPC ngày 16/01/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 24 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 195.000.000 đồng.

(ii): Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình theo các hợp đồng sau:

(1): Khế ước vay ngắn hạn số 01/2020/HĐNTTD-NLHB ngày 02/01/2020 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (02/01/2020);
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 1.995.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 08/2019/HĐNTTD-NLHB ngày 30/08/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 600.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (30/08/2019);
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 560.700.000 đồng.

(3): Khế ước vay vốn ngắn hạn số 11.2019/KUVV-NLHB ngày 30/11/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 200.000.000 đồng.

(4): Hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 01/2021/HĐNTD-NLHB ngày 02/01/2021 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: 0%;
- Phương thức bảo đảm: không có tài sản bảo đảm ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 450.000.000 đồng.

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	1.628.985	-	54.095.947	-
- Ký cược, ký quỹ	20.525.000	-	16.525.000	-
- Phải thu khác	1.820.361.756	1.053.423.546	1.806.538.756	1.053.423.546
+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt	690.900.000	690.900.000	690.900.000	690.900.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu	722.641.667	-	721.365.667	-
+ Phải thu các đối tượng khác	406.820.089	362.523.546	394.273.089	362.523.546
- Tạm ứng	8.554.181.095	-	3.434.290.095	-
+ Ông Nguyễn Văn Đức	4.738.460.000	-	2.360.012.000	-
+ Bà Vũ Thị Trang	2.001.300.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Huệ	1.018.000.000	-	-	-
+ Ông Lê Tiến Hùng	341.417.000	-	738.497.000	-
+ Các đối tượng khác	455.004.095	-	335.781.095	-
	10.396.696.836	1.053.423.546	5.311.449.798	1.053.423.546
Phải thu khác là các bên liên	14.493.000	-	17.020.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

9. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khách hàng	5.723.554.601	29.528.845	5.723.554.601	91.113.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	-	5.361.906.381	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	270.534.670	-	270.534.670	-
Các đối tượng khác	91.113.550	29.528.845	91.113.550	91.113.550
+ Phải thu khác	1.053.423.546	-	1.053.423.546	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt	690.900.000	-	690.900.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Chứng Khoán Golden	81.754.728	-	81.754.728	-
Các đối tượng khác	180.768.818	-	180.768.818	-
+ Trả trước cho người bán	69.750.000	-	69.750.000	69.750.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Nhật Sơn	69.750.000	-	69.750.000	69.750.000
	6.846.728.147	29.528.845	6.846.728.147	160.863.550

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	22.512.116	-	28.052.754	-
- Công cụ, dụng cụ	540.398.679	-	575.338.679	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.530.789.503	-
- Thành phẩm	22.641.503	-	22.641.503	-
	585.552.298	-	2.156.822.439	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Địa chỉ: Số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	51.016.682.298	11.378.474.471	16.397.340.415	436.970.909	2.860.904.101	82.090.372.194
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.817.383.564)	-	-	(4.817.383.564)
Số dư cuối năm	51.016.682.298	11.378.474.471	11.579.956.851	436.970.909	2.860.904.101	77.272.988.630
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.440.083.454	5.082.986.432	14.342.023.413	436.970.909	1.716.542.484	42.018.606.692
- Khấu hao trong năm	2.336.091.630	733.766.760	284.483.088	-	286.090.416	3.640.431.894
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.817.383.564)	-	-	(4.817.383.564)
Số dư cuối năm	22.776.175.084	5.816.753.192	9.809.122.937	436.970.909	2.002.632.900	40.841.655.022
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	30.576.598.844	6.295.488.039	2.055.317.002	-	1.144.361.617	40.071.765.502
Tại ngày cuối năm	28.240.507.214	5.561.721.279	1.770.833.914	-	858.271.201	36.431.333.608

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối Năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.993.901.471 VND.
 - Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm tạm thời không sử dụng (Xưởng sản xuất viên gỗ nén): 14.060.166.953 VND.
 11.232.777.233 VND.

12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Website Công ty	Chương trình phần mềm	Cộng
Số dư đầu năm	VND	VND	VND	VND
Số dư cuối năm				
	2.198.712.842	50.000.000	2.492.580.000	4.741.292.842
	2.198.712.842	50.000.000	2.492.580.000	4.741.292.842
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	571.715.286	50.000.000	1.753.606.469	2.375.321.755
- Khấu hao trong năm	43.974.252	-	190.455.996	234.430.248
Số dư cuối năm	615.689.538	50.000.000	1.944.062.465	2.609.752.003
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.626.997.556	-	738.973.531	2.365.971.087
Tại ngày cuối năm	1.583.023.304	-	548.517.535	2.131.540.839

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 1.583.073.270 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.189.200.000 VND.

13. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án xưởng gỗ nén	254.807.200	254.807.200
	254.807.200	254.807.200

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê xe đào tạo	271.499.947	376.249.994
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	165.672.721	35.080.263
- Các khoản khác	7.779.660	190.126.110
	444.952.328	601.456.367
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê xe đào tạo	343.842.659	-
- Chi phí sửa chữa	48.711.662	-
- Chi phí khác	74.311.108	-
	466.865.429	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghệ Xây dựng Hoàng Minh	85.815.416	85.815.416	85.815.416	85.815.416
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Việt Nam	65.636.000	65.636.000	65.636.000	65.636.000
- Phải trả các đối tượng khác	225.384.432	225.384.432	497.312.433	497.312.433
	376.835.848	376.835.848	648.763.849	648.763.849

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Học viên tự do - khách hàng đào tạo	14.174.234.000	11.812.600.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	33.567.797	32.890.000
	14.207.801.797	11.845.490.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	14.893.074	-	-	14.893.074
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.688.820	-	-	-	9.688.820	-
- Thuế thu nhập cá nhân	29.051.896	-	74.422.750	51.993.334	29.027.156	22.404.676
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	38.740.716	-	93.315.824	55.993.334	38.715.976	37.297.750

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí phải trả khác (chi phí trích trước các khóa học)	-	1.462.167.775
	-	1.462.167.775

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	282.161.400	247.435.067
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.727.103.142	31.499.445.510
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (i)</i>	<i>23.650.972.491</i>	<i>22.336.060.332</i>
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng HaBuBank (ii)</i>	<i>9.047.130.811</i>	<i>9.047.130.811</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>28.999.840</i>	<i>116.254.367</i>
	33.009.264.542	31.746.880.577
b) Dài hạn		
- Lãi vay phải trả Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (i)	1.858.312.365	-
	1.858.312.365	-

(i) Trong đó lãi quá hạn là 16.685.069.183 đồng, lãi phạt trên lãi chậm trả là 5.565.903.308 đồng, lãi ân hạn chưa thu số tiền là 3.258.312.365 đồng.

(ii) Theo giải trình Ban giám đốc, Công ty đã thanh toán hết số nợ gốc vay với ngân hàng Habubank. Năm 2012, Ngân hàng Cổ phần Habubank đã sáp nhập với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Địa chỉ: Số 5 phố Thọ Thập, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay cá nhân (1)	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.042.800.000	7.042.800.000	9.892.499.973	2.425.499.981	14.509.799.992	14.509.799.992
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (2)	7.042.800.000	7.042.800.000	9.500.000.000	2.188.000.000	14.354.800.000	14.354.800.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (3)	-	-	392.499.973	237.499.981	154.999.992	154.999.992
	7.122.800.000	7.122.800.000	9.892.499.973	2.425.499.981	14.589.799.992	14.589.799.992
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	24.149.684.034	24.149.684.034	-	2.425.499.981	21.724.184.053	21.724.184.053
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (2)	23.692.600.720	23.692.600.720	-	2.188.000.000	21.504.600.720	21.504.600.720
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (3)	457.083.314	457.083.314	-	237.499.981	219.583.333	219.583.333
	24.149.684.034	24.149.684.034	-	2.425.499.981	21.724.184.053	21.724.184.053
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	9.892.499.973	4.537.499.981	5.354.999.992	5.354.999.992
Khoản vay quá hạn	7.042.800.000	7.042.800.000	4.300.000.000	2.188.000.000	9.154.800.000	9.154.800.000
	17.106.884.034	17.106.884.034			7.214.384.061	7.214.384.061

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Vay cá nhân theo các hợp đồng ký kết với từng cá nhân, lãi suất quy định trên từng hợp đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Số dư tại 31/12/2021 là 800.000.000 đồng. Trong đó vay quá hạn là 800.000.000 VND.

(2) Theo các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 19/2007/HĐTD ngày 20/12/2007; Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 76/2010/HĐKT/HĐTD-NHPT.SGDI ngày 20/08/2010; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 462011/PLHĐTD-NHPT-SGDI ngày 22/07/2011; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 03.19.2007.HB/2012/HĐĐTĐTSĐ-NHPT-SGDI ngày 29/06/2012, Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 04.19.2007/2014/HĐĐTĐTSĐ-NHPT-SGDI ngày 31/12/2014 và hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 05.04.19.2007/2014/2015/HĐĐTĐTSĐ - NHPT - SGDI ngày 31/12/2015 với các điều khoản cụ thể như sau:

- + Giá trị khoản vay: 54.628.656.000 VND;

- + Mục đích vay: Dùng để đầu tư phần xây lắp, thiết bị của dự án Trường trung cấp kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- + Thời hạn vay: 14 năm kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên, đến hết quý I năm 2023;

- + Lãi suất cho vay: 8,4%/năm, các khoản vay quá hạn chịu lãi suất 12,6%/năm;

- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có của chủ đầu tư theo hợp đồng số 01/2008/HĐTCQSĐĐ-TL ngày 07/01/2008 và phụ lục hợp đồng số 03/2008/HĐTCQSĐĐ-TL-PL ngày 10/01/2008;

- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 21.504.600.720 VND. Trong đó nợ quá hạn là 9.154.800.000 VND, lãi quá hạn là 16.685.069.183 VND, lãi phạt trên lãi chậm trả là 5.565.903.308 VND, lãi ân hạn chưa thu số tiền là 3.258.312.365 VND.

(3) Các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 1046/HĐTD/TTB MB2/01 ngày 31/05/2018 với các điều khoản cụ thể sau:

- + Hạn mức cho vay: 775.000.000 VND;

- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 180767/HĐMB ký ngày 20/04/2018 giữa trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình và Công ty Cổ phần Toyota Thăng Long số tiền 760.000.000 VND;

- + Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 02/6/2018 đến ngày 01/6/2023;

- + Lãi suất cho vay: lãi suất cơ sở 3 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội cộng biên độ 4,55%/năm;

- + Phương thức bảo đảm: 2 xe Toyota Vios E, BKS: 28A-063.06 và 063.95 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1046 ngày 31/05/2018;

- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 219.583.333 VND.

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.250.000.000	8.922.401.000	77.282.591	204.421.894	(67.789.520.950)	(2.335.415.465)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(5.475.006.161)	(5.475.006.161)
Số dư cuối năm trước	56.250.000.000	8.922.401.000	77.282.591	204.421.894	(73.264.527.111)	(7.810.421.626)
Số dư đầu năm nay	56.250.000.000	8.922.401.000	77.282.591	204.421.894	(73.264.527.111)	(7.810.421.626)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(2.809.625.732)	(2.809.625.732)
Số dư cuối năm nay	56.250.000.000	8.922.401.000	77.282.591	204.421.894	(76.074.152.843)	(10.620.047.358)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	56.250.000.000	100,00%	56.250.000.000	100%
	56.250.000.000	100%	56.250.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.250.000.000	56.250.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.250.000.000	56.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.625.000	5.625.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	204.421.894	204.421.894
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	77.282.591	77.282.591
	281.704.485	281.704.485

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	-	609.739.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.301.339.999	27.865.614.546
	38.301.339.999	28.475.353.546

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	3.206.351.243
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.557.148.120	18.141.308.692
	30.557.148.120	21.347.659.935

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.738.085	39.185.608
	17.738.085	39.185.608

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.263.302.015	4.042.052.246
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.342.760.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	821.374.315	(677.973.784)
	5.084.676.330	5.706.838.462

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.655.296	271.198.403
Chi phí nhân công	3.362.600.665	3.687.246.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.700.512	824.209.651
Chi phí dự phòng	131.334.705	180.768.818
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	39.621.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.960.769	752.020.057
Chi phí khác bằng tiền	1.367.396.615	1.246.882.501
	6.384.648.562	7.001.947.521

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	947.200.000	38.363.636
Thu nhập khác	40.073.922	48.919.004
	987.273.922	87.282.640

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	1.018.672
Chi phí khác	89.504.726	19.363.365
	89.504.726	20.382.037

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
Các khoản điều chỉnh tăng	(1.167.787.726)	-
- Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	(304.726)	-
- Chi phí không có hóa đơn	(1.167.483.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(3.977.413.458)	(5.475.006.161)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	-	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.809.625.732)	(5.475.006.161)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.625.000	5.625.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(499)	(973)



31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.173.532.720	8.498.970.347
Chi phí nhân công	14.808.676.318	6.647.140.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.874.862.142	4.187.160.532
Chi phí dự phòng	131.334.705	180.768.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.794.475.959	5.556.725.332
Chi phí khác bằng tiền	1.628.125.335	1.816.461.082
	35.411.007.179	26.887.226.366

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.351.782.434	-	3.022.212.094	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.138.451.437	(6.817.199.302)	11.225.238.042	(6.685.864.597)
Các khoản cho vay	3.510.700.000	-	3.060.700.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	5.500.000.000	-	5.321.374.315	-
	26.500.933.871	(6.817.199.302)	22.629.524.451	(6.685.864.597)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	21.804.184.053	24.229.684.034
Phải trả người bán, phải trả khác	35.244.412.755	32.395.644.426
Chi phí phải trả	-	1.462.167.775
	57.048.596.808	58.087.496.235

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000
	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000

Tại ngày 01/01/2021

Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	5.321.374.315	-	5.321.374.315
	-	5.321.374.315	-	5.321.374.315

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.351.782.434	-	-	1.351.782.434
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.321.252.135	-	-	9.321.252.135
Các khoản cho vay	3.510.700.000	-	-	3.510.700.000
	14.183.734.569	-	-	14.183.734.569

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền	3.022.212.094	-	-	3.022.212.094
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.539.373.445	-	-	4.539.373.445
Các khoản cho vay	3.060.700.000	-	-	3.060.700.000
	10.622.285.539	-	-	10.622.285.539

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2021	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	14.589.799.992	7.214.384.061	-	21.804.184.053
Phải trả người bán, phải trả khác	33.386.100.390	1.858.312.365	-	35.244.412.755
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	47.975.900.382	9.072.696.426	-	57.048.596.808

Tại ngày 01/01/2021

Vay và nợ	7.122.800.000	17.106.884.034	-	24.229.684.034
Phải trả người bán, phải trả khác	32.395.644.426	-	-	32.395.644.426
Chi phí phải trả	1.462.167.775	-	-	1.462.167.775
	40.980.612.201	17.106.884.034	-	58.087.496.235

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Quyết định số 221 ngày 22/04/2015 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu do lỗi quá 3 năm, ngày 15/5/2015 quyết định số 275/QĐ-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội (UPCOM).
- Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình trực thuộc Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giao cho sử dụng thửa đất số 950, xóm Bến Cuối, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00606 ngày 28/11/2007, diện tích thực tế sử dụng 74.096,1 m², đơn giá thuê đất là 3.360 đồng/m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/11/2057, mục đích sử dụng là Xây dựng trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình, Công ty được miễn thuế đất trong thời hạn 11 năm bắt đầu từ ngày 28/11/2007.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng
Hòa Bình

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng
lượng Lào Cai

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hòa Bình		
- Thu tiền (phải thu khác)	2.527.000	-
- Góp vốn vào công ty liên kết	1.000.000.000	7.126.131.763
- Cho vay	750.000.000	1.995.000.000
- Thu lại tiền cho vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu		
- Thoái vốn đầu tư	-	4.083.627.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai		
- Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	3.126.131.763

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	14.493.000	17.020.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	14.493.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình	-	2.527.000
Phải thu khách hàng	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381

Dự phòng phải thu khách hàng	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình	3.205.700.000	2.755.700.000
Đầu tư vào công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hòa Bình	5.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	3.126.131.763	3.126.131.763
Dự phòng Đầu tư vào công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	3.126.131.763	2.304.757.448
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Văn Anh	289.739.250	327.543.000
Ông Lại Thế Vĩnh	374.923.000	415.759.500
Ông Dương Văn Sơn	339.078.500	371.691.500

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K kiểm toán.

37. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Năm 2021 Công ty tiếp tục bị lỗ 2.809.625.732 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 76.074.152.843 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới cho Công ty. Ban Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí. Ban Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi và vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới cho Công ty. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc khẳng định tính phù hợp của việc áp dụng giả định hoạt động liên tục.

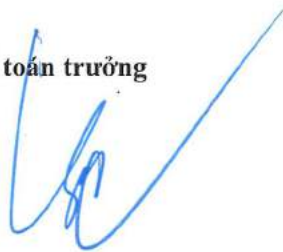
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn

Giám đốc



Lại Thế Vĩnh

TRÌNH GIÁ ASCO

Số: 01/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (VPC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định Giá ASCO.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của VPC đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VPC. (Website: <http://v-power.vn>).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Anh

Số: 02/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các Công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán Hà Nội;
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định Giá ASCO;
3. Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán tư vấn thuế (AAT).

Kính đề nghị Đại hội thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách trên.

Trường hợp danh sách các Công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty niêm yết do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các Công ty trên thì ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Anh

Số: 03/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam,

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo việc chi thù lao cho Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi năm 2022 như sau:

1. Kết quả thực hiện chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm Soát năm 2021

Trong năm 2021 HĐQT và BKS nhất trí không nhận thù lao để hỗ trợ Công ty giảm gánh nặng chi phí trong năm tài chính 2021.

2. Kế hoạch chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022:

Năm 2022 HĐQT và BKS thống nhất tiếp tục không nhận thù lao để hỗ trợ Công ty giảm bớt khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Công ty)

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:.....

CMND/CCCD số:....., ngày cấp:....., tại:.....

Địa chỉ thường trú :.....

Trình độ học vấn:....., chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (Bảng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều Lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- (i) Sơ yếu lý lịch do người ứng cử khai (theo mẫu);
- (ii) Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

....., ngày tháng năm 2022

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2026

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Công ty)

Tên tôi là:.....
Sinh ngày:.....
CMND số:....., ngày cấp:....., tại:.....
Địa chỉ thường trú :.....
Trình độ học vấn:....., chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều Lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

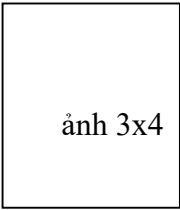
- (i) Sơ yếu lý lịch do người ứng cử khai (theo mẫu);
- (ii) Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

....., ngày tháng năm 2022

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ảnh 3x4

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HĐQT/BKS

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
NHIỆM KỲ 2022-2026

1. Họ và tên:
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Số CMND (Hộ chiếu):, ngày cấp....., nơi cấp.....
4. Ngày tháng năm sinh:
5. Nơi sinh: Quốc tịch:
6. Dân tộc: Quê quán:
7. Địa chỉ thường trú:
8. Số điện thoại liên lạc:
9. Trình độ văn hóa:
10. Trình độ chuyên môn:

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo

11. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

12. Số cổ phần nắm giữ: cổ phần.
13. Tổng số cổ phần của nhóm cổ đông đề cử:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA
ĐỊA PHƯƠNG/CƠ QUAN CÔNG TÁC
(ký tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)